

Số: 20/2022/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2022

## **THÔNG TƯ**

**Quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa**

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thiết kế, chế tạo, đóng mới, sửa chữa, hoán cải, nhập khẩu, sử dụng và thực hiện công tác đăng kiểm về chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường, an toàn lao động đối với tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

## **Điều 3. Áp dụng pháp luật**

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

## **Chương II**

### **CÁC BIỂU MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN, SỔ AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **Điều 4. Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật Việt Nam**

1. Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho phương tiện thủy nội địa quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Các biểu mẫu giấy chứng nhận cấp cho sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

#### **Điều 5. Các biểu mẫu giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, kho chứa nổi, giàn di động theo các công ước quốc tế của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)**

1. Các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp theo các công ước quốc tế của IMO và ILO mà Việt Nam là thành viên thì áp dụng các biểu mẫu theo quy định của các công ước quốc tế.

2. Các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp

theo các công ước quốc tế của IMO và ILO mà Việt Nam chưa là thành viên hoặc công ước không quy định cụ thể mẫu giấy chứng nhận, theo yêu cầu của chủ tàu biển, kho chứa nổi, giàn di động để cung cấp thông tin cho các cơ quan liên quan biết tàu biển, kho chứa nổi, giàn di động đã phù hợp thì áp dụng các biểu mẫu giấy chứng nhận quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

#### **Điều 6. Các biểu mẫu giấy chứng nhận tạm thời hoặc giấy chứng nhận có điều kiện**

Các giấy chứng nhận tạm thời hoặc giấy chứng nhận có điều kiện cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động thì áp dụng các biểu mẫu tương ứng được nêu tại Thông tư này và bổ sung thêm chữ "Tạm thời" hoặc "Có điều kiện" vào giấy chứng nhận.

#### **Điều 7. Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền cấp cho tàu biển, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam**

Trường hợp tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho tàu biển, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam thì áp dụng biểu mẫu do tổ chức đăng kiểm nước ngoài biên soạn theo quy định của các công ước quốc tế của IMO và ILO mà Việt Nam là thành viên hoặc áp dụng biểu mẫu quy định tại Thông tư này.

#### **Điều 8. Các giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp theo phương thức điện tử**

Các giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp theo phương thức điện tử thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và hướng dẫn của IMO và ILO.

### **Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.
2. Bãi bỏ Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa và Thông tư số 41/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy

định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

3. Các biểu mẫu giấy chứng nhận, số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa đã được cấp theo quy định tại Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT và Thông tư số 41/2019/TT-BGTVT tiếp tục có hiệu lực đến ngày hết hiệu lực của các giấy chứng nhận, số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đó.

### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 10;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Xuân Sang**



**Phụ lục I**  
**Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường**  
**cấp cho tàu biển**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

<b>TT</b>	<b>Tên giấy tờ</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường</b>
1	Giấy chứng nhận phân cấp	Mẫu số I.01	QCVN 21: 2015/BGTVT, QCVN 54: 2015/BGTVT, QCVN 56: 2013/BGTVT, QCVN 81: 2014/BGTVT.
2	Giấy chứng nhận phù hợp đi một chuyến	Mẫu số I.02	QCVN 21: 2015/BGTVT, QCVN 54: 2015/BGTVT, QCVN 56: 2013/BGTVT.
3	Giấy chứng nhận hoãn bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra	Mẫu số I.03	QCVN 21: 2015/BGTVT, QCVN 23: 2016/BGTVT, QCVN 42: 2015/BGTVT.
4	Giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị	Mẫu số I.04	QCVN 42: 2015/BGTVT, QCVN 21: 2015/BGTVT
5	Giấy chứng nhận mạn khô	Mẫu số I.05	QCVN 21: 2015/BGTVT, QCVN 54: 2015/BGTVT.
6	Giấy chứng nhận dung tích (cấp cho tàu có chiều dài nhỏ hơn 24 m)	Mẫu số I.06	QCVN 63: 2013/BGTVT.
7	Giấy chứng nhận ngăn ngừa ô nhiễm dầu	Mẫu số I.07	QCVN 26: 2018/BGTVT.
8	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục dây giăng, tời và các chi tiết	Mẫu số I.08	QCVN 23: 2016/BGTVT.
9	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục dây giăng, tời và các chi tiết, làm việc ghép đôi	Mẫu số I.09	QCVN 23: 2016/BGTVT.
10	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục trụ xoay hoặc máy nâng và các chi tiết	Mẫu số I.10	QCVN 23: 2016/BGTVT.
11	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra thang máy/cầu xe và các chi tiết	Mẫu số I.11	QCVN 23: 2016/BGTVT.
12	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra các chi tiết tháo được	Mẫu số I.12	QCVN 23: 2016/BGTVT.
13	Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra dây cáp thép	Mẫu số I.13	QCVN 23: 2016/BGTVT.
14	Sổ đăng ký thiết bị nâng và chi tiết tháo được của tàu biển	Mẫu số I.14	QCVN 23: 2016/BGTVT.

<b>TT</b>	<b>Tên giấy tờ</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Căn cứ cấp giấy chứng nhận, số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường</b>
15	Giấy chứng nhận an toàn tàu khách	Mẫu số I.15	QCVN 21: 2015/BGTVT.
16	Giấy chứng nhận an toàn tàu cao tốc	Mẫu số I.16	QCVN 54: 2015/BGTVT.
17	Giấy chứng nhận duy trì cấp tàu	Mẫu số I.17	QCVN 21: 2015/BGTVT.
18	Giấy chứng nhận thay đổi thông số	Mẫu số I.18	QCVN 21: 2015/BGTVT.
19	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu biển	Mẫu số I.19	QCVN 21: 2015/BGTVT, QCVN 54: 2015/BGTVT, QCVN 56: 2013/BGTVT, QCVN 03: 2016/BGTVT, QCVN 81: 2014/BGTVT, QCVN 92: 2015/BGTVT.
20	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sửa đổi	Mẫu số I.20	QCVN 21: 2015/BGTVT, QCVN 54: 2015/BGTVT, QCVN 56: 2013/BGTVT, QCVN 03: 2016/BGTVT, QCVN 81: 2014/BGTVT, QCVN 92: 2015/BGTVT.
21	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế hoán cải tàu biển	Mẫu số I.21	QCVN 21: 2015/BGTVT, QCVN 54: 2015/BGTVT, QCVN 56: 2013/BGTVT, QCVN 03: 2016/BGTVT, QCVN 81: 2014/BGTVT, QCVN 92: 2015/BGTVT.
22	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế	Mẫu số I.22	QCVN 21: 2015/BGTVT, QCVN 54: 2015/BGTVT, QCVN 56: 2013/BGTVT, QCVN 03: 2016/BGTVT; QCVN 72: 2014/BGTVT, QCVN 23: 2016/BGTVT.
23	Giấy chứng nhận phù hợp vận chuyển xô hàng rời rỗng bằng đường biển	Mẫu số I.23	QCVN 21: 2015/BGTVT, Bộ luật quốc tế về vận chuyển xô hàng rời rỗng bằng đường biển (Bộ luật IMSBC).
24	Giấy chứng nhận phù hợp vận chuyển hàng nguy hiểm ở dạng đóng gói hoặc dạng rắn chờ xô	Mẫu số I.24	QCVN 21: 2015/BGTVT, Chương II-2 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 74).
25	Giấy chứng nhận phù hợp cho hoạt động	Mẫu số I.25	QCVN 73: 2019/BGTVT.

<b>TT</b>	<b>Tên giấy tờ</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường</b>
	kéo		
26	Giấy chứng nhận thử lực kéo tại móc	Mẫu số I.26	QCVN 73: 2019/BGTVT.
27	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu lặn	Mẫu số I.27	MSC/Circular.981 của IMO.
28	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường du thuyền	Mẫu số I.28	QCVN 81: 2014/BGTVT và Sửa đổi 1 - 2017 QCVN 81: 2014/BGTVT.
29	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tàu biển cỡ nhỏ	Mẫu số I.29	QCVN 03: 2016/BGTVT.

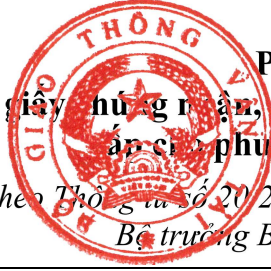
## Phụ lục II

### Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp ụ nổi kho chứa nổi, giàn di động

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
1	Giấy chứng nhận phân cấp ụ nổi	Mẫu số II.01	QCVN 55: 2013/BGTVT.
2	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật ụ nổi	Mẫu số II.02	QCVN 55: 2013/BGTVT.
3	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế ụ nổi	Mẫu số II.03	QCVN 55: 2013/BGTVT.
4	Sổ đăng ký thiết bị nâng trên công trình biển	Mẫu số II.04	QCVN 97: 2016/BGTVT.





**Phụ lục III**  
**Các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường**  
**áp dụng cho phương tiện thủy nội địa**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
1	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.01	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT.
2	Giấy chứng nhận đi một chuyến	Mẫu số III.02	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT.
3	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.03	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT.
4	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.04	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT.
5	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sửa đổi phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.05	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT.
6	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế hoán cải phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.06	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT.
7	Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế mẫu phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.07	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT.
8	Giấy chứng nhận sao và thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo mẫu	Mẫu số III.08	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT.
9	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.09	QCVN 25: 2015/BGTVT.
10	Sổ kiểm tra thiết bị nâng hàng phương tiện thủy nội địa	Mẫu số III.10	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 96: 2016/BGTVT.

**Phụ lục IV****Các biểu mẫu giấy chứng nhận cấp cho sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa**

(Ban hành kèm theo Thông tư 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
1	Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Mẫu số IV.01	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT
2	Giấy chứng nhận Thảm định thiết kế sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Mẫu số IV.02	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT
3	Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Mẫu số IV.03	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT
4	Giấy chứng nhận thử sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Mẫu số IV.04	Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72: 2013/BGTVT, QCVN 95: 2016/BGTVT

### Phụ lục V

**Các biểu mẫu giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp theo các công ước quốc tế của IMO và ILO mà Việt Nam chưa là thành viên hoặc công ước không quy định cụ thể mẫu giấy chứng nhận**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu	Căn cứ cấp giấy chứng nhận, số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
1	Giấy chứng nhận phù hợp quản lý nước dẫn	Mẫu số V.01	Công ước quốc tế về quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn (Công ước BWM 2004).
2	Giấy chứng nhận phù hợp về danh mục các vật liệu nguy hiểm	Mẫu số V.02	Công ước quốc tế về tái chế tàu biển (Công ước Hồng Kông 2010).
3	Giấy chứng nhận phù hợp đủ điều kiện tái chế tàu biển	Mẫu số V.03	Công ước quốc tế về tái chế tàu biển (Công ước Hồng Kông 2010).
4	Giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch chở xô hàng hạt	Mẫu số V.04	Chương VI của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 74).
5	Bản công bố nhật ký điện tử theo MARPOL	Mẫu số V.05	Nghị quyết MEPC.312(74) và Nghị quyết MEPC.314(74) của IMO.